

Số: 47/2018/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
**Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch miền núi
tỉnh Quảng Nam đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Nam: số 05-NQ/TU ngày 17 tháng 8 năm 2016 về phát triển kinh tế - xã hội gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; số 08-NQ/TU ngày 27 tháng 12 năm 2016 về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 6845/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch miền núi tỉnh Quảng Nam đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch miền núi tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 tại 21 điểm du lịch thuộc 09 huyện, gồm: Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Phước Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My (*chi tiết theo phụ lục 1*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. UBND huyện, UBND cấp xã thuộc 09 huyện miền núi.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoạt động kinh doanh du lịch tại các điểm du lịch trên địa bàn các huyện miền núi.

Điều 3. Nguyên tắc, phương thức hỗ trợ

1. Mỗi điểm du lịch chỉ được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần theo nội dung quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này thì không được hỗ trợ theo các quy định khác và ngược lại.

2. Đối với UBND các huyện, UBND cấp xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân, ngân sách nhà nước hỗ trợ các nội dung theo Nghị quyết này; kinh phí hỗ trợ được thực hiện sau khi xây dựng kế hoạch, thiết kế, dự toán, hồ sơ, thủ tục theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc phê duyệt.

3. Đối với doanh nghiệp, ngân sách nhà nước hỗ trợ các nội dung về đầu tư hạ tầng, xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này. Sau khi hoàn thành và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán và khối lượng nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ kinh phí.

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng tại các điểm du lịch

a) Hỗ trợ xây dựng đường giao thông nối từ các trục quốc lộ, tỉnh lộ (ĐT), huyện lộ (ĐH) đến điểm du lịch, mức hỗ trợ xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa không quá 3.000 triệu đồng/1điểm du lịch.

b) Hỗ trợ xây dựng đường nội bộ tại điểm du lịch, mức hỗ trợ xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa không quá 2.000 triệu đồng/1điểm du lịch.

c) Bãi đỗ xe

Mỗi điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư 01 bãi đỗ xe với diện tích tối thiểu 300m², có mái che một phần, mức hỗ trợ đầu tư mới không quá 450 triệu đồng, mức hỗ trợ đầu tư nâng cấp không quá 112 triệu đồng.

d) Nhà đón tiếp

Mỗi điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư 01 nhà đón tiếp với diện tích tối thiểu 160m², mức hỗ trợ đầu tư mới không quá 1.200 triệu đồng, mức hỗ trợ đầu tư nâng cấp không quá 300 triệu đồng.

đ) Nhà vệ sinh công cộng

Mỗi điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư 01 nhà vệ sinh công cộng với diện tích tối thiểu 30m², gồm: 02 buồng vệ sinh nam, 02 buồng vệ sinh nữ, khu vực rửa tay cho nam và nữ riêng, trang thiết bị cao cấp; mức hỗ trợ đầu tư mới không quá 350 triệu đồng, mức hỗ trợ đầu tư nâng cấp không quá 87 triệu đồng.

2. Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch

a) Hỗ trợ công tác khảo sát, tư vấn xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch tại điểm du lịch, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/1 điểm du lịch.

b) Hỗ trợ phát triển các dịch vụ phục vụ khách du lịch: phục dựng văn nghệ dân gian, ẩm thực truyền thống; xây dựng quy trình mẫu về nghề truyền thống;

xây dựng sản vật nông sản làm quà tặng lưu niệm cho khách du lịch, mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/1 điểm du lịch.

3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch

a) Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ; tập huấn các kỹ năng làm du lịch, phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, mức hỗ trợ các khóa tập huấn không quá 200 triệu đồng/1 điểm du lịch.

b) Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng quản lý điểm du lịch cho hợp tác xã, tổ hợp tác tại các điểm du lịch, mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/1 điểm du lịch.

c) Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn kiến thức quản lý chung về du lịch cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về du lịch, mức hỗ trợ các khóa tập huấn không quá 100 triệu đồng/năm/09 huyện.

d) Hỗ trợ các nghệ nhân có trực tiếp tổ chức truyền nghề cho người dân tại các điểm du lịch, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/năm/09 huyện.

4. Hỗ trợ tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch

a) Hỗ trợ thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng năng lực bảo tồn và quảng bá sản phẩm du lịch của cộng đồng dân cư nơi có sản phẩm du lịch, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/1 điểm du lịch/năm, mỗi điểm du lịch được hỗ trợ không quá 03 năm.

b) Hỗ trợ tổ chức các chuyến tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển du lịch, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/1 điểm du lịch.

5. Hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch

a) Ấn phẩm

Hỗ trợ thiết kế, in ấn phát hành các tờ rơi, tập gấp, bản đồ, sổ tay, video du lịch giới thiệu về điểm du lịch, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/năm/1 điểm du lịch. Thời gian được hỗ trợ 03 năm kể từ khi điểm du lịch được công nhận.

Hỗ trợ thiết kế, in ấn phẩm chung quảng bá du lịch miền núi, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng trong 03 năm (2023 - 2025).

b) Quảng bá trên các website

Hỗ trợ quảng bá điểm du lịch trên các website du lịch có uy tín hoặc xây dựng website điểm du lịch, mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/1 điểm du lịch.

Hỗ trợ duy trì hoạt động website, mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/năm/1 điểm du lịch; thời gian hỗ trợ trong 03 năm đầu khi website chính thức hoạt động.

Ngoài ra, hỗ trợ miễn phí giới thiệu điểm du lịch trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Website của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Website du lịch Quảng Nam.

c) Tham gia các hội chợ, triển lãm du lịch

Hỗ trợ tham gia các hội chợ chuyên ngành du lịch, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/1 điểm du lịch/lần, hỗ trợ không quá 02 lần/năm trong 03 năm.

d) Hỗ trợ tổ chức các chương trình khảo sát, xây dựng tour, quảng bá tuyến, điểm du lịch cho các doanh nghiệp lữ hành, báo chí trong nước và quốc tế, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/năm/09 huyện kể từ năm 2021.

Điều 5. Nguồn kinh phí và phân kỳ thực hiện

1. Tổng kinh phí và phân kỳ thực hiện: 91.922 triệu đồng (*chi tiết theo phụ lục 2 và phụ lục 3a, 3b.*)

2. Cơ cấu nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách tỉnh đảm bảo 80%; ngân sách huyện và xã hội hóa đảm bảo 20%.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành định mức chi cụ thể đối với từng nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 4 và tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này. Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết trong giai đoạn 2019 - 2020 trước khi triển khai giai đoạn 2021 - 2025.

b) Trong quá trình thực hiện, trường hợp các điểm du lịch có khả năng đầu tư phát triển sớm hơn để kết nối với các điểm du lịch khác, đã cân đối được nguồn vốn đối ứng và hoàn chỉnh đầy đủ các hồ sơ liên quan thì được xem xét ưu tiên hỗ trợ đầu tư sớm hơn dự kiến; Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh việc điều chỉnh lộ trình hỗ trợ đầu tư.

c) Trường hợp phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2018.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: TC, KHĐT, VHTTDL;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam; Báo QN, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các Phòng;
- Lưu: VT, CVTH (Châu).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang

